

Bản án số: 85/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 5 – 2024
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Ngọc Nguyên
- Bà Đặng Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 224/2024/TLST–HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 307/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Kim M, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 202/15, đường Nguyễn Thái Học, khóm Bình Long 4, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hoài T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số B, đường N, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bà Đặng Thị Kim M có mặt, ông Lê Hoài T vắng mặt (có đơn xin được vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 29/02/2024, tại các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đặng Thị Kim M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T tự quen biết và tìm hiểu nhau. Ông bà tự nguyện tiến đến hôn nhân, không tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường M ngày 27/6/2002. Hôn nhân lần thứ nhất của cả 2. Sau khi kết hôn, bà và ông T chung sống đến tháng 10 năm 2023 thì ly thân, bà sống chung với người con thứ ba cho đến nay. Quá trình chung sống với ông T, bà không cảm nhận được hạnh phúc. Nguyên nhân do ông T không tôn trọng vợ, thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm, không quan tâm đến kinh tế gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung. Cuộc sống vợ chồng của bà không có sự cảm thông, chia sẻ. Bà nhiều lần góp ý, ông T cũng

nhiều lần xin lỗi nhưng không thay đổi. Do thời gian qua, bà không cảm nhận được tình thương của ông T dành cho bà, cuộc sống có quá nhiều tổn thương và bản thân bà không còn tình cảm đối với ông T nên bà yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung đã thành niên, có khả năng lao động tên Lê Trọng T1, sinh ngày 17/12/1994, Lê Đình T2, sinh ngày 07/9/2000 và Lê Hoài T3, sinh ngày 30/9/2001.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo các biên bản trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lê Hoài T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà M tiến đến hôn nhân là tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật như bà M trình bày. Hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Ông mong muốn được đoàn tụ vì ông còn thương vợ, thương con, bà M muốn ông thay đổi như thế nào cũng được. Trước đây, ông có những lời nói không hay đối với vợ nên ông đã có hứa thay đổi.

Về con chung: Ông và bà M có 03 con chung đã thành niên và có khả năng lao động tên Lê Trọng T1, sinh ngày 17/12/1994, Lê Đình T2, sinh ngày 07/9/2000 và Lê Hoài T3, sinh ngày 30/9/2001.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 17/5/2024, ông T có đơn xin được vắng mặt và xác định không đồng ý ly hôn với bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Đặng Thị Kim M và ông Lê Hoài T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ thuộc phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[2] Xét thấy, ông T là bị đơn trong vụ án, có đơn xin được vắng mặt khi xét xử, phía bà M không có yêu cầu hoãn phiên tòa. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Kim M và ông Lê Hoài T tự nguyện tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 298/KH/2002 quyển số 02 ngày 27/6/2002, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Bà M trình bày, quá trình chung sống giữa bà và ông M phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng do không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ, cảm thông, ông T nhiều lần có lời nói xúc phạm bà. Phía ông tân

thừa nhận ông có những lời lẽ không hay dành cho vợ, ông đã cam kết và tự sửa chữa lỗi của mình.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải với mong muốn hàn gắn tình cảm giữa các bên và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiếp tục phân tích, động viên bà M để vợ chồng bà có thể đoàn tụ. Tuy nhiên, bà M vẫn cương quyết ly hôn và xác định bản thân không còn niềm tin, tình yêu đối với ông T. Qua lời trình bày của bà M, ông T cho thấy tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, hôn nhân không đạt được mục đích, đời sống chung không thể kéo dài. Nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà M được ly hôn ông T.

[6] Về con chung: Bà M và ông T có 03 con chung đã thành niên, có khả năng lao động tên Lê Trọng T1, sinh ngày 17/12/1994, Lê Đình T2, sinh ngày 07/9/2000 và Lê Hoài T3, sinh ngày 30/9/2001.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Bà M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà M đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001847 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều Điều 228, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Kim M được ly hôn ông Lê Hoài T.

- Về con chung: Bà M và ông T có 03 (ba) con chung đã thành niên, có khả năng lao động tên Lê Trọng T1, sinh ngày 17/12/1994, Lê Đình T2, sinh ngày 07/9/2000 và Lê Hoài T3, sinh ngày 30/9/2001.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà M đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001847 ngày 05/4/2024

của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà M được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- UBND phường Mỹ Bình (GCNKH số 298/KH/2002 ngày 27/6/2002);
- Lưu VT và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phạm Xuân Khanh